TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **332/**2021/HNGĐ-ST
Ngày 31/12/2021
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Hà Thị Vinh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/11/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị X**, sinh năm 1990.
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 01/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung, là cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015, hiện nay cháu Như đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Triệu Như và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung; không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi giấy triệu tập nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng theo uy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, hiện anh T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh T cư trú để anh T đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, chị X có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Triệu Thị X và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị X, anh T về chung sống với gia đình anh T tại thôn Yên Ninh, xã Phúc Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nên tình vợ chồng lạnh nhạt, không quan tấm đến nhau, chị X và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay, hiện vợ chồng chị X, anh T không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị X, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015, hiện nay cháu Như đang ở với chị X. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị X, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hộ khẩu thường trú của chị X và anh T, hiện chị X và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã P, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm ăn anh T không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không biết hiện anh T đang làm gì, ở đâu. Về thu nhập của chị X và anh T, chị X có thu nhập khoảng 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày, còn anh T đi làm ăn xa nên địa phương không nắm được thu nhập của anh T.

Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, chị và anh T có 01 con chung, là cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015, hiện nay cháu

Như đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Triệu Như và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Triệu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị X xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị Triệu Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Triệu Thị X và anh Nguyễn X T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã P, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên chị Triệu Thị X khởi kiện xin ly hôn với anh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã P, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Địa phương và gia đình cho biết, anh T có biết việc chị X kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết. Anh T đi làm ăn ở xa nhưng không báo địa chỉ mới nên Công an, gia đình và địa phương không nắm được. Tòa án đã gửi giấy triệu tập và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi anh T cư trú để anh T đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện

và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị X và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương, như vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị X và anh T về sống tại gia đình nhà anh T tại thôn Y, xã P, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chị X, anh T sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, chị X và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X. Xử cho chị X được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Chị Triệu Thị X và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để giao con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu Nguyễn Như Quỳnh đang ở với chị X, trong quá trình giải quyết vụ án, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như và cháu Như là con gái nên cần có sự chăm sóc, giáo dục cả về thể chất và tinh thần của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Triệu Như cho chị Triệu Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh T đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà, hiện đi làm ăn ở đâu không có địa chỉ rõ ràng nên không đảm bảo điều kiện về mọi mặt để nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào các nhận định như trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị X giao cháu con chung cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[**6**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Triệu Như, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Triệu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị X phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003844, ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị X và anh Nguyễn X T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Phúc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trần Văn Ngọc - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn X Thủy**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn X Thủy